

Số: 2696/QĐ-CTHN-TTKT4-XPVPHC

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính về thuế và Hóa đơn

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính;
Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Nghị định 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;*

Căn cứ Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ quyết định số 66267/QĐ-CTHN ngày 30/12/2022 của Cục trưởng Cục Thuế TP Hà Nội về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Biên bản thanh tra thuế lập ngày 17/01/2023 theo Quyết định số 29184/QĐ-CTHN-TTKT4 ngày 22/6/2022 của Cục trưởng Cục thuế TP Hà Nội về việc thanh tra tại Công ty CP thực phẩm Hà Nội, Mã số thuế: 0100106803; Địa chỉ: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra - Kiểm tra số 4 - Cục Thuế TP Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với Doanh nghiệp có tên sau đây:

- Tên tổ chức vi phạm: **Công ty CP thực phẩm Hà Nội**
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 24-26 Trần Nhật Duật, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.
 - Mã số thuế: 0100106803;
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 30/6/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 28/6/2022.
 - Người đại diện Pháp luật theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái Dũng; Giới tính: Nam;
 - Chức danh: Giám đốc;
- Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế:
 - Chưa kê khai phụ lục mẫu 01 giao dịch liên kết; Còn kê khai sai chỉ tiêu 22- Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang trên tờ khai tháng 1/20019; Còn chưa kê khai chỉ tiêu 32a – Hàng hóa dịch vụ không tính thuế trên tờ khai GTGT từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2021; Còn phân bổ thuế GTGT không được khấu trừ tương ứng với doanh thu hàng hóa dịch vụ bán ra không chịu; Hạch toán vào chi phí tài chính khoản lãi vay trong giai đoạn hình thành tài sản cố định; Sử dụng không hợp pháp hóa đơn GTGT để hạch toán



vào chi phí khi tính thuế TNDN năm 2019; năm 2021; hạch toán vào giá vốn các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định; Chưa chi trả các khoản là tiền lương và chi phí phải trả đã hạch toán vào chi phí khi xác định kết quả kinh doanh; Chưa thực hiện khấu trừ 10% đối với các nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công không có mã số thuế phải khấu trừ 10%; Không lập hóa đơn GTGT khi tặng quà cho CBNV; Sử dụng không hợp pháp hóa đơn GTGT của đơn vị bỏ địa chỉ kinh doanh mang theo hóa đơn.

3. Hành vi vi phạm hành chính quy định tại:

- Quy định tại theo Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24/6/2020 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết và Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

- Quy định tại Tiết c6 Điểm c Khoản 5 Điều 10 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

- Quy định tại Khoản 5 Điều 5 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

- Quy định tại Khoản 2 Điều 14 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

- Quy định Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi Điểm 2.18 Khoản 2 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

- Quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính được sửa đổi tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

- Quy định tại Điểm 2.32 Khoản 2 Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 được sửa đổi tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

- Quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

- Quy định tại Điểm i, Khoản 1, Điều 25 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính

- Quy định tại Khoản 7, Khoản 9 Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính

4. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

a. Các tình tiết giảm nhẹ: Không

b. Các tình tiết tăng nặng: Có

5. Các tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm (nếu có): Không.

5. Bị áp dụng hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

5.1. Phạt vi phạm hành chính, cụ thể:

5.1.1. Phạt vi phạm hành chính về thuế: **94.110.082 đồng**, chi tiết:

- Phạt vi phạm hành chính (TM4254) đối với hành vi sử dụng không hợp pháp hóa đơn nhưng không làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc chưa được hoàn thuế, không làm tăng số tiền thuế được miễn, giảm (giảm khấu trừ thuế GTGT tại tờ khai tháng 04/2021) và hành vi kê khai sai nhưng không làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc chưa được hoàn thuế, không làm tăng số tiền thuế được miễn, giảm (giảm lỗ năm 2020) theo quy định tại Khoản 7, Điều 17 và khoản 3 Điều 12 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ, mức phạt: 13.650.000 đồng (6.500.000 x 2 + 6.500.000 x 10%).

- Phạt vi phạm hành chính đối với hành vi khai sai, khai không đầy đủ các chỉ tiêu trên tờ khai thuế, các phụ lục kèm theo tờ khai thuế nhưng không liên quan đến xác định

nghĩa vụ thuế (kê khai sai chỉ tiêu 32a - Hàng hóa bán ra không tính thuế từ tháng 11/2020 đến tháng 12/2021) theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ, mức phạt (TM 4254): 30.600.000 đồng (=2.000.000 đồng x 14 + (2.000.000 đồng x 10% x 13).

- Phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không kê khai giao dịch liên kết- phụ lục 01 (năm 2019; 2020) theo quy định tại điểm d Khoản 3, Điều 13 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ, mức phạt (TM 4254): 24.150.000 đồng (=11.500.000 x 2 + (11.500.000 x 10% x 1)

- Phạt vi phạm hành chính về thuế: Phạt tiền bằng 20% số tiền thuế GTGT; TNDN khai thiếu quy định tại Khoản 2, Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013; Khoản 1, Điều 16, Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Khoản 3, Điều 143 Luật quản lý thuế số 38 đối với việc khai sai dẫn đến thiếu số thuế GTGT; TNDN năm 2019; thuế GTGT năm 2020; năm 2021 phải nộp, số tiền (TM: 4254): 14.163.726 đồng.

- Phạt vi phạm hành chính về thuế: Phạt tiền bằng 20% số tiền thuế TNCN khai thiếu quy định tại Khoản 2, Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013; Khoản 1, Điều 16, Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ; Khoản 3, Điều 143 Luật quản lý thuế số 38 đối với việc khai sai dẫn đến thiếu số thuế TNCN năm 2019; năm 2020; năm 2021 phải nộp, số tiền (TM: 4268): 10.281.206 đồng (17.703.462 đồng + 16.586.415 đồng + 17.116.155 đồng) x 20%).

- Phạt theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 11, Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ với hành vi trốn thuế do sử dụng hóa đơn, chứng từ bất hợp pháp; sử dụng bất hợp pháp hoá đơn, chứng từ; hóa đơn không có giá trị sử dụng để kê khai thuế làm giảm số thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế được miễn, giảm năm 2019, số tiền (TM 4254): 526.750 đồng, trong đó:

+ Phạt 1 lần thuế GTGT năm 2019, số tiền: 105.350 đồng (105.350 đồng x 1)

+ Phạt 1 lần thuế TNDN năm 2019, số tiền: 421.400 đồng (2.107.000 đồng x 20% x

1).

- Phạt theo quy định tại Khoản 3, Điều 17, Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ với hành vi trốn thuế do sử dụng hóa đơn, chứng từ bất hợp pháp; sử dụng bất hợp pháp hoá đơn, chứng từ; hóa đơn không có giá trị sử dụng để kê khai thuế làm giảm số thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số tiền thuế được miễn, giảm năm 2021, mức phạt bằng 2 lần số thuế phải nộp (do có tình tiết tăng nặng), số tiền (TM 4254): 738.400 đồng (369.200 đồng x 2).

5.1.2. Phạt vi phạm về hóa đơn: **3.200.000 đồng**, chi tiết:

- Phạt theo quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều 24 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ do có hành vi không lập hóa đơn GTGT khi tặng quà cho cán bộ CNV (tháng 12/2020; tháng 12/2021), mức phạt (TM 4254): 3.200.000 đồng (=1.000.000 đồng x 3 + 1.000.000 đồng x 10% x 2).

- Không xử phạt đối với hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ do quá thời hiệu (kê khai tháng 04/2021).

5.2. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: truy thu tiền thuế thiếu qua thanh tra, số tiền: **123.120.614 đồng**, chi tiết:

a. Truy thu thuế GTGT (TM 1701) qua thanh tra, số tiền: 39.135.962 đồng (trong đó: năm 2019: 2.539.557 đồng; năm 2020: 12.097.211 đồng; năm 2021: 24.499.194 đồng).

b. Truy thu thuế TNDN (TM 1052) qua thanh tra, số tiền: 32.578.620 đồng (trong đó: năm 2019: 32.578.620 đồng;)

c. Truy thu thuế TNCN (1001) qua thanh tra, số tiền: 51.406.032 đồng (trong đó: năm 2019: 17.703.462 đồng; năm 2020: 16.586.415 đồng; năm 2021: 17.116.155 đồng)

d. Giảm lỗ hoạt động SXKD năm 2020; số tiền: 3.970.091.589 đồng.

e. Tăng số lỗ chuyển từ năm 2020 sang năm 2021, số tiền: 133.649.770 đồng

g. Tiền chậm nộp phải nộp NSNN:

- Tiền chậm nộp tiền thuế theo quy định tại Khoản 32, Điều 1 Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012; Khoản 3, Điều 3 Luật số 106/2016/QH13 ngày 06/04/2016 và Điều a, Khoản 2, Điều 59 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội đối với hành vi chậm nộp tiền thuế GTGT, thuế TNDN so với thời hạn quy định, số tiền: **27.967.418 đồng**. Trong đó:

+ Tiền chậm nộp thuế GTGT (TM 4931), số tiền: 7.936.645 đồng

+ Tiền chậm nộp thuế TNDN (TM 4918), số tiền: 9.849.756 đồng

+ Tiền chậm nộp thuế TNCN (TM 4917), số tiền: 10.181.017 đồng

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính đến hết ngày 17/01/2023. Yêu cầu Công ty CP Thực phẩm Hà Nội tự tính và nộp số tiền chậm nộp tiền thuế kể từ ngày 18/01/2023 đến ngày nộp đủ số tiền thuế chậm nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tổng số tiền thuế truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp là: **248.398.113 đồng**.

(Hai trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm chín tám ngàn, một trăm mười ba đồng).

6. Biện pháp khắc phục hậu quả khác:

- Giảm lỗ hoạt động SXKD năm 2020; số tiền: 3.970.091.589 đồng.

- Tăng số lỗ chuyển từ năm 2020 sang năm 2021, số tiền: 133.649.770 đồng

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 01 năm 2023.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho Ông Nguyễn Thái Dũng là đại diện theo ủy quyền cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Trong thời hạn 10 ngày, Công ty CP thực phẩm Hà Nội phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Số tiền phạt quy định tại Điều 1 phải nộp vào tài khoản số 7111 tại Kho bạc Nhà nước TP Hà Nội (Cơ quan quản lý thu: Cục Thuế TP Hà Nội).

Nếu quá thời hạn mà Công ty CP thực phẩm Hà Nội không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của Pháp luật.

Công ty CP thực phẩm Hà Nội có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của Pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước TP Hà Nội để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Trưởng Phòng Thanh tra - Kiểm tra số 4, Phòng kê khai và kế toán thuế, Phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế để tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: Hồ sơ, VT, TTKT4 (7/4)

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Hùng